

VĂN HÓA ĐA BÚT TRONG BỐI CẢNH TIỀN SỬ VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN XUÂN NGỌC*

Văn hóa Đa Bút là văn hóa của cộng đồng tộc người trung kỳ thời đại đá mới, tồn tại 3.000 năm (từ 7 đến 4 nghìn năm cách ngày nay), phân bố ở đồng bằng ven biển Ninh Bình - Thanh Hóa. Văn hóa Đa Bút đồng đại với văn hóa Cái Bèo (Hải Phòng - Quảng Ninh) và văn hóa Quỳnh Văn (Nghệ Tĩnh). Văn hóa Đa Bút gắn liền với tiến trình phát triển văn hóa tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á, một mắt xích quan trọng cho sự thiết lập các trung tâm làm gốm và định cư nông nghiệp sau văn hóa Hòa Bình.

1. Khởi nguồn của văn hóa Đa Bút

Văn hóa Hòa Bình thuộc kỹ nghệ cuối ghè sơ kỳ thời đại đá mới, phân bố rộng rãi ở Đông Nam Á lục địa và là khởi nguồn của nhiều văn hóa trung kỳ đá mới Việt Nam và Đông Nam Á⁽¹⁾. Các nhà khảo cổ đã chứng minh, văn hóa Đa Bút có nguồn gốc từ văn hóa Hòa Bình, bằng chứng là sự bảo lưu yếu tố Hòa Bình trong văn hóa Đa Bút qua tổ hợp công cụ đá (riêu ngắn, riêu bầu dục, riêu mài lưỡi, cả chopper, chopings), phương thức mai táng (chôn người nằm co, ngồi xổm bó gối) và thành phần

chủng tộc kiểu Hòa Bình còn bảo lưu trong Đa Bút. Kể cả truyền thống khai thác nhuyễn thể từ ốc núi, ốc suối sang các loài hến trong sông, rồi nhuyễn thể biển. Tuy nhiên, văn hóa Đa Bút đã xuất hiện các yếu tố mới như: riêu hình bầu dục, riêu tứ giác, mài lan thân, mài toàn thân, đặc biệt là đồ gốm. Những điểm cách tân ấy là khác Hòa Bình và tiến bộ hơn Hòa Bình. Tất cả những điểm nói trên cho thấy, văn hóa Đa Bút có nguồn gốc từ Hòa Bình⁽²⁾.

Có dự đoán rằng, gốm xuất hiện trong các hang động Hòa Bình - Bắc Sơn trước Đa Bút. Song đồ gốm ở đây là gốm muôn, thuộc thời đại kim khí, khác với gốm Đa Bút cả về chất liệu, hình dáng và hóa văn. Về cơ bản, đồ gốm văn hóa Đa Bút có sự thống nhất cao về chất liệu, hình dáng, hoa văn giữa các di chỉ. Loại hình tiêu biểu là gốm dày, thô, pha nhiều sạn sỏi laterite tròn nhẵn, nâu, đen, đáy tròn, miệng đứng hơi loe, thành miệng cao, thân hơi phình, cổ chỉ hơi eo, hóa văn đập, được tạo ra bằng phương pháp bàn đập hòn kê, bàn đập có quẩn dây thừng không se (dạng thân cây cói hay cỏ lác) in lên khắp mặt ngoài đồ dựng từ đáy lên tới mép miệng.

* Th.s. Nguyễn Xuân Ngọc, Bảo tàng Công an nhân dân

Nghề gốm được ra đời từ văn hóa Đa Bút, tồn tại khá lâu, nhưng vẫn bảo lưu tính truyền thống bền vững⁽³⁾. Tuy nhiên, vào giai đoạn Gò Trũng xuất hiện gốm văn thừng se, văn ấn lõm quanh bờ mép miệng, đồ đựng có miệng hơi bóp vào hoặc hơi loe, hóa văn mịn... biểu thị sự đổi mới trong kế thừa truyền thống.

Có người nghĩ rằng, văn hóa Đa Bút là giai đoạn triển khai của cư dân văn hóa Hòa Bình xuống đồng bằng Thanh Hóa - Ninh Bình. Nói như vậy là chưa đầy đủ, bởi riêng sự nảy sinh đồ gốm và trở thành trung tâm gốm sớm ở châu thổ trước biển tiến Holocene đã là một thành tựu văn hóa vĩ đại của cư dân tiền sử Việt Nam, mà trước 7.000 năm trong các thung lũng đá vôi Hòa Bình, Bắc Sơn chưa có tiền đề xuất hiện.

Một vấn đề đặt ra là quá trình chuyển biến từ văn hóa Hòa Bình sang văn hóa Đa Bút diễn ra như thế nào hay con đường "đá mới hóa" Hòa Bình - Đa Bút thể hiện ra sao?.. Vấn đề này đã được nhiều nhà khoa học quan tâm. Có ý kiến cho rằng, quá trình đá mới hóa ở Việt Nam là quá trình tách khỏi môi trường hang động thung lũng đá vôi xuống sinh sống tại đồng bằng ven biển, triển khai các hoạt động sống với đối tượng và môi trường khác trước. Có những thay đổi về lối sống, phương thức sinh hoạt, phương thức kinh tế, bộ công cụ cũng như sự phát triển của đồ gốm. Vào giai đoạn đầu, những yếu tố truyền thống còn đậm nét, sự cách tân có giới hạn. Quá trình đá mới hóa diễn ra ở các văn hóa có xu hướng tương đối giống nhau, nhưng về nguồn gốc, tính chất, mức độ và nhịp điệu của mỗi vùng lại có sự khác nhau nhất định.

Về con đường đá mới hóa, có giả thiết

cho rằng, di chỉ Đa Bút nằm liền kề với nhóm di tích Hòa Bình ở phía tây Ninh Bình như Con Moong, Mái Đá Mọc Long, Hang Lai, Hang Đắng⁽⁴⁾... đồng thời Đa Bút cũng có không gian gần gũi với nhóm di tích Hòa Bình ở phía tây Thanh Hóa như Làng Bon, Điền Hạ I, II, III, Chòn Đông. Ngoài ra di tích Đa Bút có thể tiếp xúc với nhóm di tích ở khu vực Đồng Giao, Tam Điệp - Ninh Bình⁽⁵⁾. Tóm lại, các di tích thuộc văn hóa Hòa Bình thuộc vành đai bao quanh Đa Bút có độ cao tương đối thấp so với mực nước biển, phân bố ở rìa các dãy núi đá vôi chạy từ Tây Bắc qua tây Thanh Hóa khi liên tục, khi đứt đoạn và kết thúc ở Vĩnh Lộc, Thanh Hóa; và hệ thống núi cao nguyên Mộc Châu - Đồng Giao, chạy qua phía tây Hòa Bình kéo dài và kết thúc ở khu vực Tam Điệp, Ninh Khánh - Ninh Bình; Các nhóm di tích này phổ biến được phân bố trên lưu vực các con sông Mã, sông Chu, sông Bưởi và sông Con hợp lưu với sông Mã đổ ra hạ lưu cách không xa di tích Đa Bút. Vì thế về không gian thì di tích Đa Bút nằm gọn trong vòng cung của hai hệ thống núi đất, núi đá xen kẽ, nơi hợp lưu của các chỉ lưu sông Mã chính là điều kiện hoàn toàn thuận lợi để đón nhận sự phát tán văn hóa từ vành đai văn hóa Hòa Bình cận kề ở phía Bắc và Tây Bắc với các nhóm di tích ở khu vực giáp ranh giữa Thanh Hóa và Ninh Bình (như Thạch Thành, Vườn Quốc Gia Cúc Phương), trung lưu sông Mã, sông Chu (Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thanh Hóa).

Về thời gian, Đa Bút không phải là tiếp nối từ Hòa bình muộn nhất mà bắt đầu từ mức đầu của giai đoạn muộn khoảng trên dưới 7.000 năm BP. Niên đại này tương đương với lớp III Hang Con Moong, lớp giữa Hang Đắng, mức dưới giai đoạn muộn của Mái Đá Điều. Hòa Bình - Đa

Bút là con đường đá mới hóa rõ nét và sớm nhất ở thời tiền sử Việt Nam.

Về lối sống, cư dân Đa Bút thoát ly khỏi khu vực hang động đá vôi sống trong hệ sinh thái trước núi cận đồng bằng, ven sông nhiều đầm lầy rồi khai phá đồng bằng ven biển. Họ cư trú ở ngoài trời, trên các gò, đồi cao cho nên chắc chắn phải xây cất nhà, lều trại để trú ngụ. Từ điều kiện môi trường mới sinh sống đã chi phối nhiều tới sự phát triển, phát minh của công cụ lao động. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Đa Bút vẫn là săn bắt hái lượm, đối tượng khai thác chính vẫn là nhuyễn thể nước ngọt, ngoài ra còn thêm cua, cá và săn bắt một số loài thú nhỏ. Nguồn chất bột được cung cấp từ hái lượm các loài cây có củ, quả ưa sống trong vùng đầm lầy, thung lũng núi như khoai nước (taro), củ ấu... Cư dân Đa Bút bên cạnh nông nghiệp sơ khai chăm sóc và trồng cây có củ thì việc khai thác sản vật tự nhiên vẫn là chủ yếu, đi từ cuộc sống bán định cư đến cuộc sống định cư, từ kinh tế khai thác tự nhiên đến nông nghiệp. Những biến đổi này chắc chắn kéo theo những biến đổi về kết cấu tổ chức xã hội của cộng đồng cư dân văn hóa Đa Bút

Như vậy là *quá trình chuyển biến từ văn hóa Hòa Bình đến văn hóa Đa Bút thực chất là một quá trình đá mới hóa một bộ phận cư dân văn hóa Hòa Bình cư trú ở vùng núi phía tây Thanh Hóa - Ninh Bình, chính họ là chủ nhân tiên phong tách khỏi hang động thung lũng đá vôi tiến xuống chinh phục và khai phá đồng bằng kế cận.* Thời gian khởi đầu của quá trình này vào khoảng 7.000 năm trước và kéo dài cho đến 4.000 năm cách ngày nay. Tuy nhiên, quá trình đá mới hóa này diễn ra bị đứt đoạn khi gặp phải những đợt biến tiến Holocene trung làm cho đồng

bằng ven biển bị ngập chìm nên đã tạo ra những đợt di cư, khiến cho sự cách tân sau Hòa Bình bị lỡ nhịp, mà chứng cứ là tồn tại hiện tượng trở lại truyền thống cũ ở cư dân Làng Còng và Hang Sáo.

Con đường đá mới hóa Hòa Bình - Đa Bút đã diễn ra rất phức tạp, nhiều chiều. Nhưng một thực tế, trong điều kiện tự liệu cho phép các nhà khảo cổ học đều thừa nhận có *một con đường chính từ các thung lũng núi đá vôi Hòa Bình tiến xuống chinh phục đồng bằng và ven biển Thanh Hóa - Ninh Bình.* Chính tại nơi đây trong môi trường điều kiện mới của miền đồng bằng cận núi, cận biển, nhiều sông rạch, đầm, hồ, cư dân Đa Bút đã triển khai các hoạt động kinh tế hết sức đa dạng, vừa khai thác các sản phẩm tự nhiên, vừa tiến hành các hoạt động sản xuất với một nền nông nghiệp lúa nước sơ khai kết hợp với chăn nuôi trâu, bò, lợn và đánh bắt cá bằng lưới trên sông để tạo nên một bộ mặt văn hóa mới đó là văn hóa Đa Bút - một văn hóa nông nghiệp đồng bằng kết hợp với kinh tế biển đầu tiên trong tiền sử Việt Nam⁽⁶⁾.

2. Văn hóa Đa Bút với các văn hóa đá mới cùng bình tuyến

Để hiểu rõ hơn giá trị văn hóa Đa Bút, chúng ta không thể không đặt nó trong mối tương quan với các văn hóa cùng bình tuyến: văn hóa Cái Bèo và văn hóa Quỳnh Văn⁽⁷⁾.

2.1. Văn hóa Quỳnh Văn mang tên địa điểm đầu tiên của văn hóa này do M. Colani khai quật năm 1930 ở gần Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, mà bà gọi là “đống rác bếp” (Kjokkemodding). Thuật ngữ văn hóa Quỳnh Văn được các nhà khảo cổ học Việt Nam xác lập sau này. Cho đến nay đã phát hiện được 21

Bút là con đường đá mới hóa rõ nét và sớm nhất ở thời tiền sử Việt Nam.

Về lối sống, cư dân Đa Bút thoát ly khỏi khu vực hang động đá vôi sống trong hệ sinh thái trước núi cận đồng bằng, ven sông nhiều đầm lầy rồi khai phá đồng bằng ven biển. Họ cư trú ở ngoài trời, trên các gò, đồi cao cho nên chắc chắn phải xây cất nhà, lều trại để trú ngụ. Từ điều kiện môi trường mới sinh sống đã chi phối nhiều tới sự phát triển, phát minh của công cụ lao động. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Đa Bút vẫn là săn bắt hái lượm, đối tượng khai thác chính vẫn là nhuyễn thể nước ngọt, ngoài ra còn thêm cua, cá và săn bắt một số loài thú nhỏ. Nguồn chất bột được cung cấp từ hái lượm các loài cây có củ, quả ưa sống trong vùng đầm lầy, thung lũng núi như khoai nước (taro), củ ấu... Cư dân Đa Bút bên cạnh nông nghiệp sơ khai chăm sóc và trồng cây có củ thì việc khai thác sản vật tự nhiên vẫn là chủ yếu, đi từ cuộc sống bán định cư đến cuộc sống định cư, từ kinh tế khai thác tự nhiên đến nông nghiệp. Những biến đổi này chắc chắn kéo theo những biến đổi về kết cấu tổ chức xã hội của cộng đồng cư dân văn hóa Đa Bút

Như vậy là *quá trình chuyển biến từ văn hóa Hòa Bình đến văn hóa Đa Bút thực chất là một quá trình đá mới hóa một bộ phận cư dân văn hóa Hòa Bình cư trú ở vùng núi phía tây Thanh Hóa - Ninh Bình, chính họ là chủ nhân tiên phong tách khỏi hang động thung lũng đá vôi tiến xuống chinh phục và khai phá đồng bằng kế cận.* Thời gian khởi đầu của quá trình này vào khoảng 7.000 năm trước và kéo dài cho đến 4.000 năm cách ngày nay. Tuy nhiên, quá trình đá mới hóa này diễn ra bị đứt đoạn khi gặp phải những đợt biển tiến Holocene trung làm cho đồng

bằng ven biển bị ngập chìm nên đã tạo ra những đợt di cư, khiến cho sự cách tân sau Hòa Bình bị lỡ nhịp, mà chứng cứ là tồn tại hiện tượng trở lại truyền thống cũ ở cư dân Làng Còng và Hang Sáo.

Con đường đá mới hóa Hòa Bình - Đa Bút đã diễn ra rất phức tạp, nhiều chiều. Nhưng một thực tế, trong điều kiện tư liệu cho phép các nhà khảo cổ học đều thừa nhận có *một con đường chính từ các thung lũng núi đá vôi Hòa Bình tiến xuống chinh phục đồng bằng và ven biển Thanh Hóa - Ninh Bình.* Chính tại nơi đây trong môi trường điều kiện mới của miền đồng bằng cận núi, cận biển, nhiều sông rạch, đầm, hồ, cư dân Đa Bút đã triển khai các hoạt động kinh tế hết sức đa dạng, vừa khai thác các sản phẩm tự nhiên, vừa tiến hành các hoạt động sản xuất với một nền nông nghiệp lúa nước sơ khai kết hợp với chăn nuôi trâu, bò, lợn và đánh bắt cá bằng lưới trên sông để tạo nên một bộ mặt văn hóa mới đó là văn hóa Đa Bút - một văn hóa nông nghiệp đồng bằng kết hợp với kinh tế biển đầu tiên trong tiền sử Việt Nam⁽⁶⁾.

2. Văn hóa Đa Bút với các văn hóa đá mới cùng bình tuyến

Để hiểu rõ hơn giá trị văn hóa Đa Bút, chúng ta không thể không đặt nó trong mối tương quan với các văn hóa cùng bình tuyến: văn hóa Cái Bèo và văn hóa Quỳnh Văn⁽⁷⁾.

2.1. *Văn hóa Quỳnh Văn* mang tên địa điểm đầu tiên của văn hóa này do M. Colani khai quật năm 1930 ở gần Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, mà bà gọi là “đống rác bếp” (Kjokkemodding). Thuật ngữ văn hóa Quỳnh Văn được các nhà khảo cổ học Việt Nam xác lập sau này. Cho đến nay đã phát hiện được 21

địa điểm thuộc văn hóa Quỳnh Văn. Các di tích văn hóa này chủ yếu phân bố ở đồng bằng ven biển Nghệ An và Hà Tĩnh, tập trung nhất ở huyện Quỳnh Lưu⁽⁸⁾.

Côn sò điệp trong văn hóa Quỳnh Văn chủ yếu là vỏ điệp (*Placura placenta* Lin), xen lẫn sò gai (*Arcagransia* Lin), vỏ hầu (*Ostrea Cuculata* Boru), ốc sứt (*Ceilicat*), cua, cá, rùa, mực và một số xương thú rừng, than tro, mùn cát. Trong các côn này có nhiều xác điệp chết vẫn còn ngậm miệng, ghi nhận côn điệp có thể còn do thiên nhiên tạo thành.

Văn hóa vật thể của người Quỳnh Văn nổi bật là tổ hợp công cụ bằng đá, được ghè đẽo thô sơ, kém định hình, bên cạnh một số ít công cụ hình móng ngựa, hình mai rùa, hình bàn là, hình đĩa, hình rìu ngắn, nhiều công cụ cuội, nhưng rất hiếm rìu mài. Trong khi đó, đồ gốm có số lượng lớn, tiêu biểu nhất là nồi đáy nhọn, xương gốm dày, thô, kích thước lớn, hóa văn chải hai mặt. Sự phát triển ngược nhau giữa đồ đá với đồ gốm cũng được xem là một đặc thù của văn hóa Quỳnh Văn.

Người cổ Quỳnh Văn chôn người chết trong huyết gân tròn, tại nơi cư trú, theo tư thế ngồi bó gối hay nằm co, thường di cốt không đầy đủ. Về chủng tộc là người *Australoid* và có nét *Monogoloid*. Hoạt động kinh tế chủ đạo là khai thác nhuyễn thể nước mặn, đánh cá không phát triển. Hiện chưa thấy rõ những dấu hiệu trực tiếp của hoạt động sản xuất như trồng trọt và chăn nuôi. Niên đại niên đại C14 văn hóa Quỳnh Văn sớm nhất (tại địa điểm Quỳnh Văn) là 4.875 ± 100 BP và muộn nhất khoảng 3.000 năm cách ngày nay.

Trước đây, khi thảo luận về nguồn gốc của văn hóa Quỳnh Văn, dựa vào tiêu chí nguyên liệu chế tác công cụ, có ý kiến đi

tìm nguồn gốc từ di tích đá cũ Núi Đọ (Thanh Hóa)⁽⁹⁾. Gần đây, có ý kiến tìm nguồn gốc văn hóa Quỳnh Văn từ văn hóa Hòa Bình qua phương thức thu lượm các loài nhuyễn thể, sự gán gũ về hình thức chôn cất người chết “nằm co” và “ngồi xổm”, về kỹ thuật chế tác và hình dáng công cụ “dạng bán nguyệt” của Quỳnh Văn với “rìu ngắn” ở Hòa Bình; giữa công cụ “kiểu bàn là” của Quỳnh Văn với các dạng mũi nhọn của Hòa Bình⁽¹⁰⁾. Thật ra, các thuật ngữ “mai rùa”, “bàn là”, cũng đã từng có tên trong bảng phân loại công cụ của Heekeren và Knuth ở địa điểm Saiyok, một địa điểm văn hóa Hòa Bình ở Thái Lan.

Dựa vào so sánh công cụ đá, có người cho rằng, đồ đá Quỳnh Văn không giống Hòa Bình điển hình, mà nó rất gán gũ với kỹ nghệ Điều, kể cả nguyên liệu, kỹ thuật đến loại hình⁽⁵⁾. Trong kỹ nghệ Điều cũng như Quỳnh Văn, nguyên liệu được sử dụng chủ yếu là đá gốc, dạng cuội tảng kích thước lớn, có các mặt và góc cạnh. Loại nguyên liệu này không thể ghè trực tiếp thành ngay công cụ được mà phải thông qua một công đoạn ghè tách mảnh, sau đó dùng mảnh để chế tác công cụ. Những loại hình điển hình nhất của văn hóa Quỳnh Văn là công cụ hình bàn là, hình mai rùa, hình quả trám bỏ dọc phần lớn đều được tách ra từ mảnh tước lớn, vết tách ở một mặt hoặc cả hai mặt nhưng thường ở mặt bụng công cụ. Có thể nhận rõ được là công cụ Quỳnh Văn có đặc trưng kỹ nghệ mảnh tước lớn.

Nghiên cứu và so sánh loại công cụ hình bàn là, mai rùa, móng ngựa, tam giác, quả trám bỏ dọc đặc trưng cho giai đoạn muộn ở Mái Đá Điều giống hệt với công cụ ở Quỳnh Văn từ hình dáng, kích thước và kỹ thuật chế tác. Đặc biệt các

công cụ ghè hai mặt hình bầu dục, rìu dài, bầu dục gãy đôi, công cụ hình chữ nhật hoặc hình vuông như phác vật rìu mài hậu kỳ đá mới phổ biến trong giai đoạn muộn ở Mái Đá Điều cũng giống với các loại công cụ ở Quỳnh Văn. Như vậy, *Quỳnh Văn có thể còn có nhiều nguồn gốc hợp thành nhưng trong đó kỹ nghệ Điều hiện lên như một nguồn hợp chủ yếu tạo nên văn hóa này.*

So sánh giữa Quỳnh Văn và Đa Bút, chúng ta thấy con đường đá mới hóa Đa Bút là quá trình “động”, cách tân từng bước và phát triển theo tuyến tính, thì Quỳnh Văn là con đường “tĩnh”, bảo lưu truyền thống lâu dài, thích ứng tối đa với môi trường tự nhiên.

Con đường đá mới hóa Quỳnh Văn diễn ra chậm và có xu hướng bảo lưu truyền thống. Một bộ phận cư dân Quỳnh Văn vẫn cư trú bám vào các lèn đá vôi, họ vẫn chú trọng chế tác và sử dụng ghè đẽo, ít phát triển kỹ thuật mài. Điểm này có lẽ liên quan đến nguồn gốc như ở kỹ nghệ Điều, kỹ thuật ghè đẽo phát triển khá cao nhưng kỹ thuật mài lại không phát triển. Con đường đá mới hóa Điều - Quỳnh Văn là sự bảo lưu và khai thác triệt để nhất kỹ thuật ghè đẽo đá. Cư dân Quỳnh Văn khai thác các loài nhuyễn thể biển, cá, loài thú nhỏ là chủ đạo, ít có dấu hiệu của kinh tế sản xuất. Có lẽ ở Quỳnh Văn công cụ ghè đẽo được bảo lưu lâu dài và vắng bóng kỹ thuật mài một phần là do nguyên nhân từ đặc thù nền kinh tế săn bắt hái lượm quy định. Song điểm đã nhận thức được là *văn hóa Quỳnh Văn phát triển sang văn hóa Bàu Tró qua loại hình Thạch Lạc là có cơ sở.*

2.2. Văn hóa Cái Bèo mang tên địa điểm “Baie des Pêchers” do M. Colani phát hiện năm 1938, nay thuộc đảo Cát Bà, Hải

Phòng. Di chỉ Cái Bèo được khai quật liên tiếp vào các năm 1973, 1981 và 1986. Lớp dưới Cái Bèo đặc trưng cho một giai đoạn khác Hạ Long và cổ hơn Hạ Long. Cho đến nay đã phát hiện thấy một số địa điểm cùng tính chất và niên đại tương đương với Cái Bèo (lớp dưới) phân bố ở đảo Cát Bà, Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long có đặc trưng chung và thuộc văn hóa Cái Bèo⁽¹⁾.

Điểm nổi bật về công cụ đá văn hóa Cái Bèo là công cụ ghè đẽo gần hình bầu dục hoặc hạnh nhân, rìu mài lan rộng trên thân; rìu, bôn tứ giác, rìu có vai và đục mài toàn thân, trong đó rìu tứ giác chiếm chủ yếu; có một số viên cuội dẹt có những lỗ khoét vòm giống như di vật cùng loại văn hóa Hòa Bình. Đồ gốm được làm từ chất liệu đất sét, pha cát, bã thực vật; độ nung thấp, chủ yếu nặn tay, loại hình chính là nổi và vại có miệng thẳng đứng hoặc bẻ cong ra ngoài, đáy tròn hoặc bằng. Mặt ngoài trang trí vân in dấu đan, in răng lược, vạch các đoạn cọng ngắn, vân thừng và vân trở lỗ thủng. Trong đó, đáng chú ý là loại gốm thô dày, đáy bằng trang trí vân dấu đan lóng mốt, lóng đôi. Tại Cái Bèo gặp loại gốm đáy bằng, miệng thẳng và hoa văn dấu đan chưa thấy ở Đa Bút, nên có thể Cái Bèo cũng có thể là một trung tâm sản xuất gốm sớm. Di cốt người ở Cái Bèo là một cá thể nam, khoảng 50-60 tuổi, thuộc chủng *Australo - Malenessian*. Cư dân Cái Bèo là những người định cư ven biển, theo kiểu một làng chài, sử dụng lưới vó, vận hành bằng thuyền mảng, đánh bắt cá gần bờ và xa bờ, chế biến - gia công thực phẩm tại nơi cư trú. Mô thức vận hành đó khác căn bản với những cư dân cùng bình tuyến như Đa Bút và Quỳnh Văn. *Văn hóa Cái Bèo là nguồn tạo dựng văn hóa Hạ Long sau này ở vùng biển Đông Bắc Việt Nam.*

Văn hóa Cái Bèo có nguồn gốc từ Hòa Bình hay Bắc Sơn, đến nay vẫn đang thảo luận. Trước đây một số nhà nghiên cứu cho rằng, nhóm di tích Soi Nhụ thuộc giai đoạn trung kỳ đá mới, tương đương với Đa Bút và Quỳnh Văn (13), cũng có ý kiến cho rằng, nhóm di tích này thuộc sơ kỳ đá mới, không thuộc văn hóa Hòa Bình và Bắc Sơn, mà là “văn hóa Soi Nhụ”.

Vậy là không còn nghi ngờ gì thêm, các nhà khảo học đều xác định nhóm Soi Nhụ có những đặc trưng tìm thấy trong các di tích Hòa Bình đã phát hiện ở nước ta. Duy còn vấn đề xung quanh về khái niệm thuật ngữ: “văn hóa Hòa Bình”, “văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn”, “Các loại hình địa phương của văn hóa Hòa Bình”, “Các văn hóa giống Hòa Bình”, thậm chí cả khái niệm về “Hòa Bình”, “Nhóm di tích Soi Nhụ” hay “văn hóa Soi Nhụ” còn phải làm rõ thêm để cùng thống nhất. Theo chúng tôi, các nhóm di tích Soi Nhụ thực chất là một loại hình địa phương của văn hóa Hòa Bình, trong đó kể cả văn hóa Bắc Sơn, văn hóa Soi Nhụ đều là những loại hình địa phương khác nhau cho một Hòa Bình chung rộng cả Đông Nam Á. Do đó, tuy việc xác định và nhận diện văn hóa trong các hang động thuộc vùng vịnh Hạ Long và Bái Tử Long còn rất khó khăn. Song chúng ta có thể khẳng định *cư dân Tiền sử nơi đây đã có mặt từ thời Hòa Bình*.

Mối quan hệ giữa cư dân Hòa Bình với cư dân Cái Bèo được xem xét về *không gian*: Di chỉ Cái Bèo nằm trên bờ vịnh, của hòn đảo Cát Bà lớn nhất Vịnh Hạ Long và đối mặt với biển, là một trong những đầu mối giao lưu văn hóa của toàn bộ Bắc bộ với Nam Trung Quốc và với Đông Á. Về *thời gian*, giống như Đa Bút, Cái Bèo là gạch nối, là khâu trung gian, là một mắt xích nối liền hai thời đại Tiền sử và Sơ sử

của khu vực. Bởi vì, qua ba lần khai quật ở địa điểm này đã cho chúng ta một địa tầng văn hóa dày 3 mét, nó đã phản ánh một hệ thống phát triển văn hóa liên tục ít ra là bắt đầu từ trung kỳ đến cuối đá mới - đầu kim khí, được đại diện bởi sự phát triển kế tiếp của hai nền văn hóa trong khu vực, đó là văn hóa Cái Bèo và văn hóa Hạ Long.

Trong tầng dưới của địa điểm Cái Bèo dày khoảng 1m, nơi đại diện cho văn hóa Cái Bèo hay Tiên Hạ Long, đã thấy rõ họ là những cư dân đã kế thừa truyền thống văn hóa cuội từ một nền tảng của người Hòa Bình địa phương. Ở đây, gần 50% công cụ ghè đẽo là cuội cát kết và cuội thạch anh với các loại hình công cụ chặt thô ghè một đầu, nạo kiểu hình đĩa ghè hai mặt, mũi nhọn các loại mỏng dẹt, dài thô, ngắn thô và rìu ngắn. Về hình dáng, đây là những công cụ mang đặc trưng của kỹ nghệ cuội văn hóa Hòa Bình trong khu vực. Bên cạnh công cụ cuội ghè đẽo, ở tầng dưới Cái Bèo còn bao gồm các công cụ mài bộ phận, thường là rìu ghè đẽo mài lan thân, đốc thon trong đó có một số là dạng vai sơ khởi (cổ ý tạo eo vai bằng ghè đẽo) - đây là điểm khác biệt so với rìu mài bộ phận trong văn hóa Đa Bút. Gốm lớp dưới của Cái Bèo chủ yếu là gốm dày, thô với hai loại hình cơ bản là đáy tròn và đáy bằng, nặn tay giải cuộn, hóa văn đơn giản gồm loại dấu đan, in lưng vỏ sò gai hoặc chải mờ và đã bắt đầu xuất hiện hóa văn dấu thừng se⁽¹²⁾.

Như thế, cũng như văn hóa Đa bút, *văn hóa Cái Bèo tiếp thu truyền thống Hòa Bình nhưng đã có sự đổi mới*, nhưng sự đổi mới của cư dân Cái Bèo đã đi theo một chiều hướng khác được bộc lộ qua các loại hình đồ đá - gốm và đồng thời cả trong mô thức sống gần gũi với biển hơn, tiếp xúc

với biển ngay từ đầu mà bằng chứng là sự có mặt của các loài động vật biển để lại ngay trong lớp dưới của di chỉ Cái Bèo như: Rùa, cá (cá nhám, cá mỡ, cá xanh, cá dao), sò gai...điều này đã khiến cho các nhà nghiên cứu gọi di chỉ Cái Bèo là một làng chài với phương thức đánh bắt cá xa bờ với lưới vó và thuyền mảng - không khác mấy so với Gò Trũng vào giai đoạn cuối của văn hóa Đa Bút.

Về con đường đá mới hóa diễn biến từ hang động Hòa Bình sang văn hóa Cái Bèo có thể là vào khoảng trên dưới 7.000 năm trước cách ngày nay, do mực nước biển tiếp tục dâng cao, cư dân Hòa Bình ở các hang động thấp của Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long buộc phải dời lên những hang động cao hơn để cư trú an toàn, mà dấu vết còn để lại ở các hang: Đồng Đăng, Hạ Lũng, Hang Dơi (Hòanh Bô) hay Áng Giữa, Eo Bùa, Tùng Bô (đảo Cát Bà), hang Phương Nam (Uông Bí). Ở đây, họ đã tiếp tục khai thác các động vật nhuyễn thể nước ngọt ở môi trường tự nhiên. Đây chính là thời kỳ cư dân Hòa Bình trong khu vực thực sự phải đương đầu với biển dâng và có những kinh nghiệm trong thế ứng xử với biển, mà bằng chứng là họ đã tạo ra công cụ đá mài lưới và chế tạo đồ gốm, chài lưới... Và có lẽ vào giai đoạn Trung kỳ đá mới - khi biển lùi - chính họ đã "hạ sơn" xuống chiếm lĩnh các mặt bằng quanh vịnh để tạo nên một văn hóa mới - văn hóa Cái Bèo, một văn hóa mang đậm màu sắc biển nhưng còn bảo lưu truyền thống Hòa Bình.

Như vậy, chúng ta đều thấy rõ Đa Bút, Quỳnh Văn và Cái Bèo là những con đường đá mới hóa khác nhau. Điểm xuất phát của những con đường này là có nguồn gốc từ các nhóm loại hình địa phương nhưng đều dựa trên nền tảng của một văn

hóa Hòa Bình chung rộng. Ba văn hóa này cùng bình tuyến thời gian, đều nảy sinh từ một gốc chung Hòa Bình, phân bố ở địa bàn biệt lập nhau, có những đặc trưng riêng về văn hóa, mỗi vùng có tính chuyên biệt về hoạt động kinh tế, về chế tạo gốm, có lối sống văn hóa không giống nhau và khuynh hướng phát triển tiếp nối khác nhau - đó là sự đánh dấu mở đầu của sự phân vùng kinh tế - xã hội đầu tiên trong thời tiền sử Việt Nam⁽¹³⁾.

3. Các văn hóa sau Đa Bút có quan hệ với Đa Bút

Cùng trên các cồn cát ven biển Hậu Lộc (Thanh Hóa) cạnh di chỉ Gò Trũng là một số di chỉ thuộc văn hóa Hóa Lộc - thuộc sơ kỳ đồng thau Việt Nam. Theo các nhà nghiên cứu về địa tầng của di chỉ Gò Mả Hờ - thuộc văn hóa Hóa Lộc, thì lớp dưới của di chỉ này có xuất hiện tầng văn hóa của Gò Trũng. Sau di chỉ Đồng Vườn trên đất Yên Mô (Ninh Bình) là di chỉ Mán Bạc, phân bố trên các cồn cát sò điệp ven biển. Các nhà khảo cổ học khai quật di chỉ này cho rằng ở lớp đáy di chỉ Mán Bạc có một số mảnh gốm kiểu Đa Bút. Có thể đây là những cơ sở để chúng ta tiếp tục làm rõ thêm về sự phát triển nối tiếp từ văn hóa Đa Bút sang Hậu kỳ đá mới - Sơ kỳ đồng thau sau này, mà các nhà khảo cổ học thường gọi là văn hóa Tiên - Đông Sơn⁽⁶⁾.

Nếu như cư dân văn hóa Quỳnh Văn vẫn tiếp tục con đường đá mới hóa từ kỹ nghệ Điều để tiến ngay sát vùng ven biển Nghệ An và Hà Tĩnh hình thành một dạng văn hóa đá mới khác, làm tiền đề cho loại hình văn hóa Thạch Lạc- văn hóa Bàu Tró sau này, thì cư dân văn hóa Cái Bèo vẫn tiếp tục từ một dạng Hòa Bình địa phương ít nhiều đã mang đậm màu sắc biển của Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long(Soi Nhụ)

để rồi sau đó, cư dân này làm nên một nền văn hóa Hạ Long rực rỡ ở vùng biển Đông Bắc Việt Nam, với sự hội tụ của nhiều yếu tố biển có mối giao lưu và phát tán rộng rãi trong khu vực. Trong khi đó văn hóa Đa Bút được phát triển trên cơ sở nhóm di tích Hòa Bình muộn ở vùng giáp ranh Thanh Hóa- Ninh Bình trên con đường đá mới hóa qua các giai đoạn: Côn Cổ Ngựa - Làng Còng và Gò Trũng để bước vào ngưỡng cửa của cuộc “cách mạng đá mới”, bởi cư dân Đa Bút không chỉ đã làm ra gốm đầu tiên, phát triển kỹ thuật mài công cụ đá, biết đánh cá ở sông, biển với phương thức chài lưới, thuyền mảng, lấy sợi se chỉ mà họ còn tiến hành các hoạt động chăn nuôi trâu bò, lợn với một nền nông nghiệp sơ khai đầu tiên ở đồng bằng. Nền nông nghiệp đó chỉ có thể là một nền nông nghiệp lúa nước, đặt nền móng đầu tiên cho văn minh lúa nước sau này.

Tóm lại, văn hóa Đa Bút là mắt xích quan trọng nối các văn hóa Sơ kỳ Đá mới Hòa Bình - Bắc Sơn với các văn hóa Hậu kỳ Đá mới - Sơ kỳ Kim khí, hay những dạng văn hóa Tiên Đông Sơn ở phần đềm giữa châu thổ sông Hồng, sông Mã ở Bắc Việt Nam mà tiêu biểu là văn hóa Hóa Lộc (Thanh Hóa) và di chỉ Mán Bạc (Ninh Bình). Cư dân văn hóa Đa Bút chính là những người mở đầu cho cuộc “cách mạng đá mới” và đã đóng góp những giá trị văn hóa hết sức quan trọng trong diễn trình lịch sử phát triển văn hóa thời Tiên sử Việt Nam và Đông Nam Á⁽¹⁴⁾.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Khắc Sủ (1987), “Kỹ nghệ công cụ cuối Việt Nam và vị trí của nó trong thời đại đá Đông Nam Á”, Khảo cổ học, (2), tr. 9-22.
2. Bùi Vinh (1984), “Văn hóa Hòa Bình trong buổi đầu thời đại Đá mới Việt Nam”, Khảo cổ học (1-2), tr. 104- 111
3. Bùi Vinh (1991), “Nguồn gốc ra đời của các trung tâm gốm đá mới Việt Nam”, Khảo cổ học (14), tr. 1-8.
4. Nguyễn Khắc Sủ (1983), “Sự phát triển kinh tế và tổ chức xã hội của cư dân cổ Cúc Phương”, Khảo cổ học, (1), tr. 8 - 21.
5. Nguyễn Gia Đối (2001), *Di chỉ Mái đá Điều và một số vấn đề về thời đại đá ở miền Tây Thanh Hóa*. Luận án tiến sỹ lịch sử (tư liệu Viện Khảo cổ học).
6. Nguyễn Khắc Sủ, Nguyễn Xuân Ngọc (2004), “Khảo cổ học tiền - sơ sử Ninh Bình: nét phác thảo”, Khảo cổ học (1), tr. 24 - 38.
7. Bùi Vinh, Nguyễn Xuân Ngọc (2004), “Đa Bút, Quỳnh Văn, Cái Bèo trong bối cảnh phát triển văn hóa từ Hòa Bình sang Hậu Hòa Bình ở Việt Nam”, Khảo cổ học (2), tr. 3-18
8. Nguyễn Trung Chiến (1998), *Văn hóa Quỳnh Văn*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Hà Văn Tấn (1969), “Văn hóa Bắc Sơn với một truyền thống, một bình tuyến”. Những hiện vật tàng trữ tại Bảo tàng LSVN về văn hóa Bắc Sơn, Hà Nội, tr. 189- 206
10. Hà Hữu Nga (1989), “Các môi quan hệ loại hình và kỹ thuật trong nhóm công cụ ghè đẽo Hòa Bình- Bắc Sơn”, Khảo cổ học (1-2), tr. 41-48.
11. Nguyễn Khắc Sủ (1997), “Văn hóa biển Tiên sử Việt Nam: Mô hình và giả thiết”, Khảo cổ học (3), tr. 16-28.
12. Nguyễn Khắc Sủ (chủ biên) 2005. *Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Khắc Sủ (2003), “Văn hóa Đa Bút với vấn đề phân vùng kinh tế - xã hội đầu tiên trong thời tiền sử Việt Nam”, Khảo cổ học (3), tr.88 - 97.
14. Nguyễn Xuân Ngọc (2005), “Giá trị của văn hóa Đa Bút trong nền cảnh văn hóa đá mới Việt Nam”, Khảo cổ học (4), tr. 27- 35